TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **38**/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 11/09/2020
Về việc: "Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.
- Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Tuấn Dũng
2. Ông Trần Văn Nghi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan, là thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Ninh Trọng Khánh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 09 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 128/2020/TLST – HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Như Q – sinh năm 1991; có mặt.
Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm 8, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình.
- Bị đơn: Anh Vũ Văn D – sinh năm 1981; vắng mặt.
Nơi ĐKHKTT: Xóm 8, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình
Hiện tạm trú tại: Xóm 4, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình.
Anh D có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Phạm Thị Như Q trình bày: Chị và anh Vũ Văn D sau thời gian tự do tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau. Đăng ký kết hôn ngày 22 tháng 12 năm 2008 tại UBND xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng bố mẹ anh D và chung sống hạnh phúc khoảng 8 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không tin tưởng và luôn nghi ngờ nhau về vấn đề tình cảm. Anh D thường xuyên ghen tuông vô cớ với các mối

quan hệ làm ăn và công việc của chị. Việc vợ chồng mâu thuẫn đã được hai bên gia đình phân tích hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Trong cuộc sống anh D không tôn trọng mà luôn chửi bới xúc phạm chị. Do cuộc sống chung không có hạnh phúc nên anh chị sống ly thân nhau 3 năm nay và không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh D .

Về con chung: Chị và anh D có hai con chung cháu Vũ Đức C sinh ngày 23 tháng 7 năm 2009 và cháu Vũ Ngọc Q sinh ngày 22 tháng 6 năm 2013. Hiện các cháu đang ở cùng với chị Q. Trong quá trình giải quyết vụ án chị Q đề nghị Tòa án giao cả hai cháu C và Q cho chị tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với các con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung. Tại phiên tòa hôm nay chị Q thay đổi về vấn đề giao con sau khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cháu C cho chị tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng và giao cháu Q cho anh D chăm sóc nuôi dưỡng và hai bên không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị và anh D tự thỏa thuận phân chia sản chung và công nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Trong văn bản trình bày ý kiến bị đơn là anh Vũ Văn D trình bày: Vợ chồng anh đăng ký kết hôn năm 2008 tại UBND xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng ba năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhận vợ chồng mâu thuẫn do chị Q có mối quan hệ không lành mạnh ở bên ngoài với những người đàn ông khác. Mặc dù anh và gia đình hai bên đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng chị Q không thay đổi. Từ đó tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Do tính chất công việc anh cũng hay đi làm ăn xa những hàng tháng vẫn về và gửi tiền lo cho chị Q và hai con. Nay chị Q có đơn xin ly hôn anh cũng nhất trí vì vợ chồng cũng mâu thuẫn kéo dài nhiều năm nay có tiếp tục chung sống cũng không có hạnh phúc.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có hai con hai con chung cháu Vũ Đức C sinh ngày 23 tháng 7 năm 2009 và cháu Vũ Ngọc Q sinh ngày 22 tháng 6 năm 2013. Nay vợ chồng ly hôn anh nhận nuôi cả hai cháu C và Q không yêu cầu chị Q cấp dưỡng đối với các cháu.

Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng anh đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung và công nợ chung do vậy nay ly hôn anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại bản tự khai của cháu Vũ Đức C thì nguyện vọng cháu muốn ở với mẹ là chị Phạm Thị Như Q. Tại bản tự khai của cháu Vũ Ngọc Q thì nguyện vọng cháu muốn ở với bố là anh Vũ Văn D.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử , Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của

Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết v ụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 144 khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị Như Q ly hôn anh Vũ Văn D.

- Về con chung: Giao Cháu Vũ Đức C cho chị Phạm Thị Như Q tiếp tục chăm sóc kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên. Giao cháu Vũ Ngọc Q cho anh Vũ Văn D chăm sóc nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên. Hai bên không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con và có quyền đi lại thăm nom con chung.

- Án phí: Chị Phạm Thị Như Q nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị Như Q có đơn khởi kiện về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Vũ Văn D có nơi cư trú tại: Xóm 4, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là anh Vũ Văn D, anh D có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Như Q và anh Vũ Văn D có đăng ký kết hôn ngày 22 tháng 12 năm 2008 tại UBND xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị Như Q và anh Vũ Văn D là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về sinh sống tại xóm 8, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn do hai bên không tin tưởng và luôn nghi ngờ nhau về vấn đề tình cảm, mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả, vợ chồng mâu thuẫn và cả hai đã sống ly thân nhau ba năm nay. Cả chị Q và anh D đều thừa nhận vợ chồng đã không còn tình cảm và đã sống ly thân nha ba năm nay. Chị Q có đơn xin ly hôn anh D cũng nhất trí và không có ý kiến gì.

Căn cứ vào biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã H thể hiện: Chị Q và anh D có quan hệ hôn nhân hợp pháp, sau khi kết hôn anh chị về chung sống cùng bố mẹ anh D tại xóm 4, xã H một thời gian ngắn anh chị dọn ra ở riêng tại xóm 8, xã H, huyện K. Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh D mải chơi và không tu trí làm ăn. Mặt khác anh D, chị Q luôn nghi ngờ nhau về vấn đề tình cảm vợ chồng. Hiện nay anh D và chị Q ở mỗi người một nơi, anh D đi làm ăn và về nhà bố mẹ đẻ anh D ở, còn chị Q và các con ở cùng nhau tại nhà

riêng ở xóm 8. Nay chị Q có đơn xin ly hôn anh D Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ và nguyện vọng của các bên để giải quyết vụ án.

Từ những tài liệu nêu trên thể hiện chị Q và anh D trong quá trình sinh sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn và thực tế anh chị cũng đã sống ly thân nhau ba năm nay. Cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng về đoàn tụ. Điều đó chứng tỏ tình trạng vợ chồng giữa chị Q và anh D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Chị Q và anh D có hai con chung cháu Vũ Đức C sinh ngày 23 tháng 7 năm 2009 và cháu Vũ Ngọc Q sinh ngày 22 tháng 6 năm 2013. Các cháu C và Q đang do chị Q trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tại phiên tòa hôm nay chị Q thay đổi và có nguyện vọng nuôi cháu C và để cháu Q cho anh D chăm sóc nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng đối với con chung. Phía anh D vẫn có nguyện vọng nuôi cả hai con và không yêu cầu chị Q cấp dưỡng.

Xét nguyện vọng nuôi con chung sau khi ly hôn giữa chị Q và anh D là hoàn toàn chính đáng, không vi phạm pháp luật. Căn cứ vào biên bản xác minh tại UBND xã H về điều kiện nuôi dưỡng con sau khi ly hôn giữa các bên đương sự thể hiện: Anh D và chị Q cư trú tại xã cả hai đều có công ăn việc làm và mức thu nhập ổn định và điều kiện nuôi dưỡng con sau khi ly hôn giữa chị Q và anh D là như nhau. Nay anh chị có hai con chung thì mỗi người nuôi một cháu là phù hợp với điều kiện nuôi dưỡng con của cả hai bên đương sự và cũng đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các cháu.

Qua tham khảo nguyện vọng của các con thì cháu C muốn ở với mẹ, còn cháu Q muốn ở với bố. Nguyện vọng của các con khi bố mẹ ly hôn ở với ai cũng hoàn toàn chính đáng. Để đảm bảo quyền lợi của các con trong vụ án hôn nhân và gia đình và cũng phù hợp với điều kiện nuôi dưỡng con của cả hai bên đương sự. Căn cứ điều 81 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu Vũ Đức C cho anh chị Q tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng và giao cháu Vũ Ngọc Q cho anh Dũng chăm sóc nuôi dưỡng. Kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi các cháu trưởng thành tự lập được cuộc sống.

Hai bên không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con và có quyền đi lại thăm nom con chung. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 144. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Phạm Thị Như Q phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147 ; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp , quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Như Q và anh Vũ Văn D được ly hôn

2. Về con chung: Giao cháu Vũ Đức C, sinh ngày 23 tháng 07 năm 2009 cho chị Phạm Thị Như Q tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Giao cháu Vũ Ngọc Q sinh ngày 22 tháng 6 năm 2013 cho anh Vũ Văn D chăm sóc nuôi dưỡng. Kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi các cháu trưởng thành tự lập được cuộc sống.

Hai bên không có nghĩa vụ cấp đưỡng đối với con và có quyền đi lại thăm nom con chung.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Như Q phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0002394 ngày 27 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được THADS, người phải THADS có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (11/09/2020), bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K
- Chi cục THA dân sự huyện K
- UBND xã H, huyện K
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)
Trần Thị Khanh